

Số: 28 /2023/QĐ-UBND

Bình Định, ngày 12 tháng 06 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên
địa bàn các xã An Hòa, An Tân và thị trấn An Lão, huyện An Lão,
tỉnh Bình Định lộ trình 03 năm (2023-2025)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 14/2017/TT-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 241/TTr-STC ngày 24/5/2023 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 150/BC-STP ngày 19/5/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn các xã An Hòa, An Tân và thị trấn An Lão, huyện An Lão, tỉnh Bình Định lộ trình 03 năm (2023-2025) như sau:

1. Đối tượng nộp: các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn các xã An Hòa, An Tân và thị trấn An Lão, huyện An Lão, tỉnh Bình Định.

2. Đơn vị thực hiện thu: Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện An Lão.

3. Giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn các xã An Hòa, An Tân và thị trấn An Lão, huyện An Lão, tỉnh Bình Định lộ trình 03 năm (2023-2025) (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng) cụ thể như Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

4. Phương thức thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt:

a) Căn cứ tình hình điều kiện thực tế, Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện An Lão áp dụng mức giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt cụ thể cho phù hợp nhưng không vượt quá mức giá tối đa quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

b) Khoản tiền thu từ giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn các xã An Hòa, An Tân và thị trấn An Lão, huyện An Lão được xác định là nguồn thu từ hoạt động dịch vụ sự nghiệp công của đơn vị thu. Đơn vị thu có trách nhiệm kê khai và nộp thuế theo quy định pháp luật đối với số tiền thu được và thực hiện quản lý, sử dụng số tiền thu được sau khi đã nộp thuế theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 6 năm 2023 và thay thế Quyết định số 69/2019/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn các xã An Hòa, An Tân và thị trấn An Lão, huyện An Lão, tỉnh Bình Định lộ trình 02 năm (2020-2021).

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch UBND huyện An Lão; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- TT.Tỉnh ủy;
- TT.HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan;
- LĐVP+CV;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, P.KSTTHC, K17.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tự Công Hoàng

PHỤ LỤC
ĐƠN GIÁ TỐI ĐA DỊCH VỤ THU GOM, VẬN CHUYỂN RÁC THẢI SINH HOẠT
TRÊN ĐỊA BÀN CÁC XÃ AN HÒA, AN TÂN VÀ THỊ TRẤN AN LÃO, HUYỆN AN LÃO,
TỈNH BÌNH ĐỊNH LỘ TRÌNH 03 NĂM (2023-2025)
(Kèm theo Quyết định số /2023/QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

STT	Nội dung thu	ĐVT	Đơn giá tối đa (đã bao gồm thuế GTGT)		
			Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
I	Đối với hộ gia đình, cá nhân				
1	Thị trấn An Lão				
	Tuyến đường 629 và khu trung tâm huyện lỵ	đồng/hộ/tháng	15.000	15.000	15.000
	Các khu vực khác	đồng/hộ/tháng	11.000	11.000	11.000
2	Xã An Hòa				
	Tuyến đường 629	đồng/hộ/tháng	15.000	15.000	15.000
	Các khu vực còn lại	đồng/hộ/tháng	11.000	11.000	11.000
3	Xã An Tân				
	Tuyến đường 629	đồng/hộ/tháng	14.000	14.000	14.000
	Các khu vực còn lại	đồng/hộ/tháng	8.000	8.000	8.000
II	Đối với các hộ kinh doanh buôn bán				
1	Thị trấn An Lão				
	Kinh doanh ăn uống	đồng/hộ/tháng	40.000	40.000	40.000
	Kinh doanh khác	đồng/hộ/tháng	26.000	26.000	26.000
	Kinh doanh buôn bán cố định ở chợ	đồng/hộ/tháng	18.000	18.000	18.000
2	Xã An Hòa				
	Kinh doanh ăn uống	đồng/hộ/tháng	40.000	40.000	40.000
	Kinh doanh khác	đồng/hộ/tháng	26.000	26.000	26.000
	Kinh doanh buôn bán cố định ở chợ	đồng/hộ/tháng	18.000	18.000	18.000
3	Xã An Tân				
	Kinh doanh ăn uống	đồng/hộ/tháng	40.000	40.000	40.000
	Kinh doanh khác	đồng/hộ/tháng	26.000	26.000	26.000
	Kinh doanh buôn bán cố định ở chợ	đồng/hộ/tháng	18.000	18.000	18.000
III	Trường học, nhà trẻ, trụ sở làm việc của các doanh nghiệp, cơ quan hành chính, sự nghiệp (trừ Trung tâm Y tế huyện)				
1	Thị trấn An Lão	đồng/đơn vị/tháng	120.000	120.000	120.000
2	Xã An Hòa	đồng/đơn vị/tháng	120.000	120.000	120.000
3	Xã An Tân	đồng/đơn vị/tháng	120.000	120.000	120.000
IV	Trung tâm Y tế huyện	đồng/đơn vị/tháng	150.000	150.000	150.000

Jun